

## SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG TIỆN TRỰC QUAN TRONG DẠY ĐỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 1

DƯƠNG ĐIỀU HOA

*Đại học Sư phạm - ĐHQGHN*

1. Sử dụng các phương tiện trực quan trong dạy học là việc làm quen thuộc, hàng ngày của giáo viên tiểu học - nói chung và giáo viên lớp 1 - nói riêng. Điều này hết sức thiết yếu vì nó hoàn toàn phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh nhỏ. Sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học sẽ hình thành ở học sinh tư duy hình tượng, đồng thời tác động sự phát triển tư duy lôgic của trẻ. Sử dụng các phương tiện trực quan sẽ làm cho quá trình học thêm sinh động và lôi cuốn hứng thú của trẻ khi tiếp thu các tri thức.

Chức năng quan trọng nhất của trực quan là làm cho đối tượng của nhận thức học được phơi bày một cách rõ nét, toàn vẹn và trực tiếp trước "mắt" chủ thể. Nhờ đó những luận của tư duy về đối tượng được chân thực và sâu sắc. Cốt lõi của nguyên tắc trực quan trong dạy học là bằng các cách khác nhau, sử dụng các vật liệu khác nhau để phơi bày đối tượng đầy đủ, rõ nét, trực tiếp bản chất của đối tượng học tập tới mức học sinh có thể sờ mó, nhận và phân tích một cách vật chất, trực quan.

Không nên hiểu lầm yếu tố trực quan của quá trình nhận thức với tri thức cảm tính cá nhân được hình thành qua trải nghiệm thực tiễn. Yếu tố trực quan là khởi đầu của động nhận thức, còn kinh nghiệm cảm tính là sản phẩm của quá trình đó ở mức khái quát biểu tượng đơn lẻ trong thực tiễn của mỗi cá nhân. Các kinh nghiệm này cũng là đối tượng của quá trình nhận thức khác. Khi đó, nó phải được phơi bày trực tiếp, rõ nét trước "mắt" chủ thể. Sự phân biệt trên đây không khó, song dễ nhầm lẫn, dẫn đến sự đánh tráo đối tượng trong dạy học. Lẽ ra phải làm cho đối tượng nhận thức trở nên rõ ràng hơn trong các hình thức hiện của nó thì ta lại triển khai nhiều vốn kinh nghiệm cảm tính của học sinh, dù cho những kinh nghiệm này về bản chất không liên quan đến đối tượng đang nhận thức. "Tình thực không phải chỉ làm tăng tính tích cực của quá trình dạy học mà còn phải cụ thể hóa nội dung của quá trình đó. Nếu chỉ sử dụng phương tiện trực quan đơn thuần để làm phong phú hình ảnh biểu tượng cụ thể và kích thích hứng thú của trẻ thì không những không có lợi mà có khi còn có hại, vì nó không góp phần vào sự phát triển tư duy mà chỉ làm tăng tính thụ động của trẻ" [1].

2. Phương pháp trình bày trực quan được hiểu là các phương tiện và thao tác của giáo viên và học sinh nhằm làm cho đối tượng nhận thức (đối tượng học tập) được học lộ rõ đầy đủ và sâu sắc.

Trong phần dạy âm và vần ở môn tiếng Việt cho học sinh lớp 1 hiện nay, yếu tố trực quan thường được biểu hiện qua các tranh vẽ minh họa trong sách giáo khoa, trên phương tiện khác mà giáo viên sử dụng trên lớp. Các yếu tố này có vai trò quan trọng đ

nh thành kỹ năng đọc và viết của trẻ em. Nó phản ánh tính đặc thù của môn học và tỷ lệ lớn về thao tác và thời gian làm việc trên lớp của giáo viên, học sinh.

Hiệu quả của phương pháp này phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Xác định đúng đối tượng hức (đối tượng trực quan), các hình thức biểu hiện của nó, lựa chọn các phương tiện, so tác để tách bạch nội dung (đối tượng) giúp học sinh tri giác trực tiếp, xác định liều và thời điểm sử dụng các phương tiện trực quan v.v...

Xuất phát từ quan điểm dạy học vẫn phải được bắt đầu từ câu, từ trọn vẹn, chứa đựng ng ngữ nghĩa nhất định, nên hầu hết các bài giảng (cấu trúc sách giáo khoa tương ứng) trong trình môn tiếng Việt lớp 1 hiện nay (phần âm và vần) đều có 3 phần:

*Phần thứ nhất:* Giới thiệu và hướng dẫn học sinh nhận thức và cảm thụ câu khóa, lời từ khóa.

*Phần hai:* Phân tích âm, vần cần học.

*Phần ba:* Luyện tập cách đọc, viết và nhận dạng các âm vần mới học.

ứng với 3 phần này, xuất hiện ba tình huống sử dụng các phương tiện trực quan và minh họa.

c tiên dạy học ở lớp 1 hiện nay, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất: Hầu hết phương tiện trực quan, tranh minh họa và cách giảng giải của giáo viên lớp đều nhằm làm sáng tỏ nội dung ngữ nghĩa của câu, từ. Nó minh họa cho các sự kiện tượng có trong đời sống xã hội, khai thác và làm phong phú vốn biểu tượng, kinh nghiệm cảm tính của học sinh về các sự vật, hiện tượng đó. Rất ít tranh ảnh và các phương tiện trực quan khác nhằm vào đối tượng nhận thức là các âm, vần, âm tiết cần học.

Thứ hai: Chức năng của phương tiện trực quan và các tranh minh họa là kích thích dẫn, dẫn để từ đó học sinh tiếp nhận đối tượng học. Nó là điều kiện để đi đến đối tượng chứ không phải là đối tượng học được trực quan hóa. Trong điều kiện đó, việc học âm, vần được thực hiện theo cơ chế "phản xạ Páp-Lốp". Học sinh đọc các câu, từ, tiếng dựa trên mối liên tưởng giữa các biểu tượng của hình ảnh được tri giác. Học sinh đi từ biểu tượng có sẵn và sâu sắc đó để hình thành và khôi phục các biểu tượng về câu, từ, tiếng, nhận biết từ, tiếng qua hình ảnh quen thuộc có trong tranh vẽ.

Dụng ý của kiểu cấu trúc này là nhờ tác dụng ưu thế của các tranh minh họa có nội dung gắn gũi với kinh nghiệm cảm tính của trẻ, nên có thể dễ dàng thiết lập mối liên tưởng giữa nội dung tranh vẽ với tín hiệu từ ngữ đi kèm. Vì vậy trẻ có thể nhớ lại, đọc lại các từ, tiếng vào vị trí của chúng trong quan hệ với các biểu tượng về các sự vật, hiện tượng có sẵn trong kinh nghiệm của các em mà không cần phân tích chúng. Tuy nhiên mặt hạn chế kiểu cấu trúc này là dễ dẫn trẻ đến chỗ học vẹt, đến hiện tượng: "đọc chữ qua tranh vẽ" (Hiện tượng trẻ nhỏ không hiểu chữ nhưng có thể đọc chính xác những chữ ghi ở những quyển sách có tranh vẽ minh họa).

Để các em có được kinh nghiệm nhỏ sau đây cho thấy rõ điều đó:

Chúng tôi cho học sinh lớp 1 vùng nông thôn đã học xong phần vần đọc 15 từ có kèm tranh vẽ nhưng thay đổi cấu trúc quen thuộc: hình con mèo đi với từ "con mèo", hình nai đi với từ "nái chuối", hình con cá - can cá, hình con gà - can gà, hình cái kéo - cái kéo,

hình cái khóa - cài khóa, hình quạt trần - quạt tròn, hình cái cốc - cái quắc, hình con con thỏ, hình con hổ - can hổ, hình con trâu - con trâu, hình con nhện - con nhện, hình bay - máy bay, hình cái xẻng - cái xẻng, hình đèn pin - đèn pin. Kết quả thu được là: 1 em nào đọc đúng hoàn toàn các tiếng và từ nêu trên. Số từ sai trung bình 5,8/15 từ (38% đọc được), em sai ít nhất 2/15 từ (13%), em sai nhiều nhất 13/15 từ (86,6%).

Như vậy học theo cơ chế này, nhiều học sinh đã gặp không ít lúng túng, sai lầm đọc các vần có tranh vẽ theo cấu trúc khác với nguyên mẫu. Nguyên nhân tâm lý của tượng này là gì? ở lớp 1, hình ảnh trực quan về nội dung sự vật trong tranh minh họa có ưu thế, chi phối quá trình nhận thức của học sinh, các em nhớ từ nhờ nội dung tranh và không phải dựa vào cấu trúc của chính các từ. Khi các hình ảnh này được khôi phục sự học sinh nhớ đến các từ ngữ đi kèm. Khi các từ này thay đổi, học sinh không thích ứng do ảnh hưởng của biểu tượng tranh vẽ. Vậy là lý ra phải khắc phục tình hình phụ thuộc quá trình nhận thức đối tượng học tập vào các yếu tố cảm tính khác thì ta đã làm cho chi phối hơn. Biểu tượng tranh vẽ ở đây đã làm cản trở tiến trình hình thành kỹ năng đọc học sinh. Vì thế, trong dạy vần cho trẻ em, người ta thường tìm cách tránh lối nhận diện chữ bằng phản xạ đọc không dựa vào cấu trúc của âm tiết và các nét chữ mà lại dựa vào của nó trong cấu trúc trang sách, dựa vào màu sắc, hình ảnh của tranh vẽ. "Người ta vì đã học ở nhiều nơi, bằng nhiều phương tiện, trong đó chữ mới, phần mới được trình bày những khung cảnh khác nhau" [2].

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với quan điểm sử dụng trực quan trong việc dạy và học sinh lớp 1 - những học sinh đang học kỹ năng đọc - của Sh.A Amonashivi, ông viết làm quen với chữ, tôi cũng không sử dụng cái gọi là trực quan bằng tranh của đối tượng dường như cần thiết cho phân tích âm thanh của từ. Chẳng hạn đưa ra bức tranh vẽ gà để các em biết con vật đó nuôi ở nhà, đọc lên từ gà trống và bắt đầu chia từ đó ra âm và các âm. Từ chối sự trực quan như thế, tôi cũng từ chối việc thảo luận về chính đối tượng nghiên cứu. Trực quan tốt nhất của từ là chính bản thân từ đó hoặc mô hình của nó" [3].

Vậy thì dùng nhiều tranh minh họa trong dạy học vần cho trẻ lớp 1 là tốt hay không?

Cần nói ngay rằng, hậu quả của việc dùng nhiều tranh minh họa không phụ thuộc bản thân các bức tranh đó mà phụ thuộc vào thời điểm và cách sử dụng chúng. Các công trình nghiên cứu của Samuels (1967), Cruchetuki (1980) đã cho thấy: không nên dùng tranh trong dạy tập đọc ở thời kỳ đầu bởi vì lúc bắt đầu học từ, khi có tranh ảnh, trẻ em ít chi từ hơn. Còn Jenkins và Dany (1981), Sahallert (1981) lại chỉ rõ tác dụng của tranh ảnh với việc đọc hiểu của học sinh sau khi đã vượt qua giai đoạn học kỹ năng đọc. Những nghiên cứu của chúng tôi nhằm nhanh chóng hình thành kỹ năng đọc và viết cho học sinh. Trong những năm qua cũng cho thấy kết quả tương tự: ở giai đoạn bắt đầu học đọc, khi dùng tranh ảnh minh họa sẽ giúp cho trẻ biết đọc nhanh hơn và mắc ít lỗi hơn. Sau khi có kỹ năng đọc, tranh ảnh minh họa giúp trẻ phát triển vốn từ nhanh hơn.

Như vậy, dùng phương tiện trực quan, tranh minh họa để phát triển vốn từ của học sinh sẽ cho hiệu quả cao hơn, còn ngược lại, nếu dùng làm phương tiện kích thích, dẫn dắt học sinh đến với từ ngữ thì sẽ làm cản trở tốc độ hình thành kỹ năng đọc của học sinh ở giai đoạn học vần.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- A. U Xôrôkina. *Giáo dục trí tuệ trong quá trình dạy học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
- B. G. Ramzacva và M.R. L'vov. *Phương pháp dạy tiếng Nga ở các lớp cấp 1*. Maxcova, 1979.
- C. A Amônashivi. Bí quyết giáo dục trẻ 6 tuổi. *Tạp chí NCGD 2* (1991) (Vũ Thị Nho dịch).

JOURNAL OF SCIENCE, Soc., Sci., t. XII, n°2, 1996

---

### **ABOUT USING OF VISUAL MEANS FOR TEACHING VIETNAMESE TO PUPILS OF FIRST FORM**

DUONG DIEU HOA

*Teacher's Training College - VNU*

Using many pictures when teaching reading for pupils in 1-st form nowadays easily leads them to reading as a parrot. In fact some children could read according to the available pictures without knowing the alphabet.

In order to prevent this phenomenon we have taught reading for pupils in 1-st form completely using illustrated pictures in the 1-st form when they start reading skill.

The results proved the fact that pupils could read faster and make less reading mistakes.